

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP, THƯƠNG MẠI VÀ VIỄN THÔNG T&Đ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP, THƯƠNG MẠI VÀ VIỄN THÔNG T&Đ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T&D CONSTRUCTION, TRADING AND TELECOMMUNICATIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106906570

**3. Ngày thành lập:** 16/07/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 38, ngõ 84, phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913 309 812

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4742        |
| 2.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                              | 4759        |
| 3.  | Hoạt động viễn thông có dây                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6110        |
| 4.  | Hoạt động viễn thông không dây                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6120        |
| 5.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4100        |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311        |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321(Chính) |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                      | 4610        |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652        |
| 14. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9512        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN XUÂN QUANG | Số 38/15, ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 19.000     | 190.000.000           | 10        | 012031853                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                     | Tổng số           | 19.000     | 190.000.000           | 10        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI THỊ THANH HOA | Số 99, phố Bà Triệu, Phường Bà Triệu, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 85.500     | 855.000.000           | 45        | 182335226                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                     | Tổng số           | 85.500     | 855.000.000           | 45        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | BÙI THỊ CẨM VÂN   | Số 9, ngách 122/41, đường Láng, tổ 10, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 85.500     | 855.000.000           | 45        | 001177001348                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                     | Tổng số           | 85.500     | 855.000.000           | 45        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 07/12/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012031853

Ngày cấp: 23/09/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 38/15, ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 38/15, ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội